

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN QUỸ	DU' NGUỒN ĐẾN 31/12/2024	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025				DU' NGUỒN ĐẾN 31/12/2025	KẾ HOẠCH NĂM 2026				DU' NGUỒN ĐẾN 31/12/2026
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm (2)		Tổng số sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm		Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm (2)		Tổng số sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Tr.đó Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)				Tổng số	Tr.đó Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6=1+2-4	7	8	9	10=7-9	11=6+7-9
1	Quỹ phát triển đất	588.320	97.647	30.000	45.504	52.143	640.463	38.963	30.000	250.818	(211.855)	428.608
2	Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Cao Bằng	14.950	3.140		410	2.730	17.680	8.590	7.000	7.415	1.175	18.855
3	Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cao Bằng	1.617	7.300	1.000	6.200	1.100	2.717	7.300	1.000	6.200	1.100	3.817
4	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Cao Bằng	101.591	30.395		53.734	(23.339)	78.252	29.150		47.395	(18.245)	60.007
5	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ	12.226	238	238	410	(172)	12.054	250	250	510	(260)	11.794
7	Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh CB	47.757	6.262		1.670	4.592	52.349	7.876		1.797	6.079	58.428
8	Quỹ vì người nghèo	5.620	160.000		160.000	-	5.620	10.000		15.000	(5.000)	620
9	Quỹ thiên tai bão lũ (Quỹ cứu trợ)	22.888	122.000		122.000	-	22.888			50	(50)	22.838
10	Quỹ Khuyến học	1.349	200		700	(500)	849	200		500	(300)	549
11	Quỹ hoạt động Chữ thập đỏ	5.173	6.000		8.000	(2.000)	3.173	3.000		4.000	(1.000)	2.173
12	Quỹ đa cam	0			0	(0)	-				-	-
13	Quỹ Giải quyết việc làm	101	27		101	(74)	27	300		200	100	127
14	Quỹ Bảo trợ trẻ em	1.832	435		450	(15)	1.817	480		510	(30)	1.787
15	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	2.180	250		500	(250)	1.930	400		1.000	(600)	1.330
16	Quỹ phòng chống thiên tai	8.727	8.835		8.250	585	9.312	8.300		8.300	-	9.312
	Tổng cộng	814.329	442.729	31.238	407.929	34.800	849.129	114.809	38.250	343.695	(228.886)	620.243